Chính sách đối với đồng bào thiểu số của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa 1955 - 1975

Nguyễn Văn Nghiêm

(Bài Thuyết Trình của tác giả trước Đai Hội Người CHĂM tại ORANGE COUNTY, CALIFORNIA,HOA KỲ)

01/1/2020

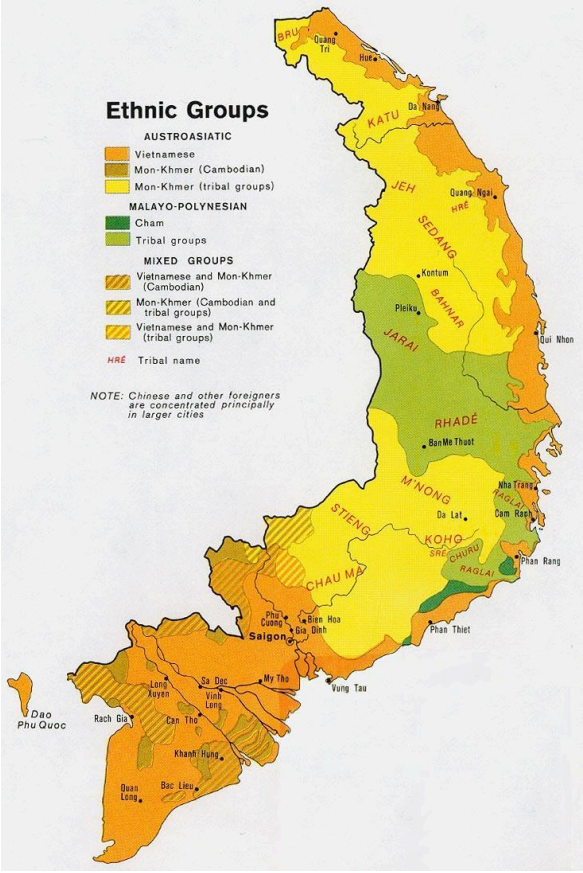

Ảnh: Thư viện Đại học Texas

MỞ ĐẦU

Việt Nam là một nước đa dân tộc, mỗi dân tộc có những sắc thái văn hóa, sinh hoạt khác nhau. Ghép hai chữ Dân Tộc và Sắc Thái riêng biệt khác nhau, mà trước đây tôi đã dùng,, chữ SẮC TỘC để nói về mỗi Dân Tộc trong cộng đồng Việt Nam.

Theo thống kê dân số tiến hành năm 1999 của nhà cầm quyền ở Việt Nam, thì cả nước có 79 triệu người (nay đã 84 triệu) Người Kinh là một sắc tộc chiếm đa số, tới 86%. Số 14% còn lại thuộc về 53 sắc tộc ít người hơn. Trong số này, những sắc tộc có trên 1 triệu người gồm người Tày, người Thái, người Mường, người Hoa, người Khmer. Những sắc tộc dưới 1 triệu người nhưng trên ½ triệu người có người Nùng, người Hmông, người Dao.

Hiệp Định Genève năm 1954, chia nước Việt Nam thành hai phần Bắc VN và Nam VN ở vĩ tuyến 17.

Vào thời ấy, dân số miền Nam VN chỉ có 15 triệu người, người Kinh vẫn là đa số. Người Hoa, người Khmer có số dân từ 800 ngàn đến 1 triệu. Người Chăm chỉ có khoảng 50 ngàn người. 19 sắc tộc ít người trên miền núi và trên miền Cao Nguyên Miền Trung có khoảng 700 ngàn người, đông nhất là người Gia-Rai, người Ra-Đê, người Kơ-Hô, và người Ba-Na.

Chính Sách của Chính Phủ NGÔ ĐÌNH DIỆM

(1955 - 1963)

Sau một cuộc Trưng Cầu Dân Ý, ngày 26-10-1955, Cựu Hoàng Bảo Đại bị truất phế, Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập nền Cộng Hòa Việt Nam. Nền Cộng Hòa non trẻ này phải đương đầu với tất cả những khó khăn do chính sách chia để trị của Thực Dân Pháp để lại. Riêng đối vấn đề các sắc tộc thiểu số, Thực Dân Pháp thường ưu đãi người thiểu số và nuôi dưỡng sự kỳ thị, thù ghét giữa người thiểu số với người Kinh. Tuy nhiên khi cần lấy lòng người Kinh thì Thực Dân Pháp không từ nan việc bỏ rơi các sắc tộc thiểu số. Người dân Nam Bộ vẫn không quên nạn người Khmer thường nổi dậy “Cáp Duồn” chặt đầu người Kinh. Người Hoa được dễ dàng vào VN buôn bán làm ăn, nắm tất cả những nguồn lợi và thao túng nền kinh tế của đất nước. Người Chăm thì không bao giờ quên được mối hận thù lịch sử để lại rằng mình là một người dân đã mất nước, nhất là mối hận thù đối với những biện pháp đàn áp khốc liệt người Chăm ở dưới thời vua Minh Mạng, vì lý do người Chăm đã ủng hộ Lê Văn Khôi, con nuôi của Tướng Lê Văn Duyệt, nổi loạn chống Triều Đình Huế.

Riêng đối với miền núi và vùng Cao Nguyên Miền Trung, thì năm 1893, người Pháp đã buộc Triều Đình Huế chấp thuận cho người Pháp toàn quyền giữ gìn an ninh và cai trị những vùng đất này. Người Kinh không được phép lên buôn bán làm ăn sinh sống ở đây. Nhà Vua cũng không còn được thu thuế ở vùng này nữa.

Sau Thế Chiến II, người Pháp quay lại Đông Dương, Cao Ủy Pháp là Argenlieu đã ban hành quyết định ngày 27 -5 – 1946, thành lập vùng này thành một vùng hành chánh riêng biệt gọi là Pays Montagnards du Sud Indochine, Xứ Thượng Nam Đông Dương. Mục đích là lợi dụng người Thượng trong chiến tranh chống lại Cộng Sản Việt Nam để thiết lập lại nền đô hộ trên lãnh thổ VN.

Khi cuộc chiến tranh không có kết quả người Pháp phải xử dụng lá bài "Cựu Hoàng Bảo Đại". Ngày 8-3-1949, Tổng Thống Pháp Vincent Auriol cùng với Cựu Hoàng Bảo Đại ký một thỏa hiệp trao trả nền Độc Lập cho VN. Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam ra đời với Cựu Hoàng là Quốc Trưởng và một Chính Phủ do một Thủ Tướng đứng đầu. Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương được trao trả lại cho cá nhân Cựu Hoàng, và trở thành Hoàng Triều Cương Thổ, do một Quản Đạo ở Banmêthuột là cụ Tôn Thất Hối chỉ huy, trực tiếp dưới quyền của Cựu Hoàng, Văn Phòng đặt tại Đà Lạt.

Ngày 21 – 5 – 1951, Cựu Hoàng ký Quyết Định số 16 ban hành một quy chế đặc biệt dành cho những người dân không phải là người Kinh sống tại lãnh thổ Xứ Thượng Miền Nam.

Quy chế đặc biệt gồm 10 điều khoản có thể tóm tắt như sau: Ngươi dân được bảo đảm tự do tiến hóa trong sự tôn trọng truyền thống và phong tục tập quán riêng của mình. Lãnh thổ theo truyền thống trực thuộc Triều Đình Việt Nam, nay vẫn giữ như cũ trực tiếp trực thuộc Cựu Hoàng. Người Thượng được tham dự lớn lao vào công việc quản lý miền Thượng. Các lãnh tụ tự nhiên, hay theo truyền thống, hay theo sự chọn lựa bởi thổ dân vẫn được duy trì, được giữ nguyên danh hiệu, chức vụ và quyền hành. Một hội đồng kinh tế gồm những người có khả năng nhất sẽ được thành lập vì lợi ích của nhân dân về nông, công nghiệp và thương mại. Các tòa án phong tục đã có hoặc sẽ mở thêm được duy trì, luật phong tục được bảo đảm. Một ủy ban nghiên cứu hỗn hợp sẽ tiến hành chương trình thiết lập một nền luật pháp cho Cao

Nguyên, theo những luật phong tục, cùng chú ý xét đến sự tiến bộ của dân chúng, và nhu cầu cần thiết hiện nay, để thích nghi với luật của Việt Nam, và luật của Pháp. Quyền sở hữu tài sản đất đai được hoàn toàn bảo đảm. Để bảo vệ quyền sở hữu này, mọi sự mua bán, cho thuê mượn đều phải được sự chấp thuận của thẩm quyền hành chánh địa phương với su khai báo của lãnh tụ thổ dân, mọi sự tham khảo ý kiến phải phù hợp với truyền thống. Tùy ngân khoản cho phép sẽ tổ chức y tế và giáo dục trong chương trình phát triển để nâng cao mức sống về tinh thần và thể lực của nhân dân. Tiếng thổ dân là tiếng căn bản cho nền giáo dục đầu tiên của thổ dân. Tiếng Việt, tiếng Pháp cũng được thực hiện theo điều kiện đặc biệt của Xứ Thượng. Sẽ nỗ lục đào tạo những cán bộ thổ dân cho nhu cầu về mọi ngành quân sự, hành chánh, y tế và giáo dục. Nghĩa vụ quân sự bắt buộc không nặng hơn bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Các quân nhân Thượng được ưu tiên giữ gìn an ninh ở địa phương và không bị gọi đi phục vụ cho những đơn vị ở bên ngoài Xứ Thượng. Giám Đốc Văn Phòng Cựu Hoàng và Quản Đạo đại biểu cho Cựu Hoàng tại Hoàng Triểu Cương Thổ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Đứng trước hậu quả cuả chính sách chia để trị ấy, chính phủ Ngô Đình Diệm đã thống nhất đất nước bằng cách thi hành một chính sách đồng hóa gấp rút các sắc tộc thiểu số. Hoàng Triều Cương Thổ bị giải tán. Các tỉnh đều trực thuộc Bộ Nội Vụ. Một Đại Biểu Chính Phủ trên Cao Nguyên Trung Phần giám sát công việc cai trị của các tỉnh. Quy chế đặc biệt cho đồng bào Thượng không được nhắc tới nữa. Phần lớn các chức vụ chỉ huy hành chánh, quân sự người Thượng đều bị thay thế bởi người Kinh. Ví dụ, Thiếu Tá Nay Lô người Gia Rai, một anh hùng chỉ huy chống Cộng Sản từ vùng Attopeu bên Lào đến đèo Mang Yang ở An Khê, đang làm Tiểu Đoàn Trưởng một trong 13 Tiểu Đoàn Sơn Cước, bị mất chức về làm Sĩ Quan Thanh Tra Tiểu Khu Đắc-Lắc, với nhân viên là một thư ký Thượng đánh máy độc nhất, và cũng không có đến một cái xe để đi làm. Thiếu Tá Ya Ba, người Churu, gọi Ông Touneh Hàn Đăng, đại diện người Thượng cạnh Cựu Hoàng Bảo Đại là chú, đang làm Tiểu Đoàn Trưởng một Tiểu Đoàn Sơn Cước khác cũng bị mất chức, về làm Đại Đội Trưởng một Đại Đội Chiến Tranh Tâm Lý. Quân nhân, công chức Thượng cũng nhận được lệnh phải thay đổi tên họ Thượng sang tên họ người Kinh. Ví dụ Ya Ba đổi thành Trường Sơn Ba, Y Pem Knul đổi thành Khổng Đức Phiên. Nhiều địa danh

Thượng trên Cao Nguyên cũng bị đổi sang địa danh Kinh. Ví dụ Lang Bian thành Lâm Viên, hồ Daklak thành hồ Lạc Thiện. Tiếng Thượng không được dạy trong các trường Tiểu Học Thượng nữa. Sách dạy tiếng Thượng để ở trong kho, thì được lệnh của Bộ giáo dục phải đem đốt đi.

Nhưng điều mà người Thượng căm thù nhất chính sách của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là vấn đề quyền sở hữu tài sản đất đai của đồng bào không được chính phủ công nhận. Đất đai canh tác là phương tiện sống còn quan trọng nhất, qúy giá nhất. Một miếng đất trị giá nhiều chiêng chóe, trâu bò. Quyền sở hữu theo phong tục được truyền từ thế hệ phụ nữ này sang thế hệ phụ nữ khác theo chế độ gia đình mẫu hệ. Ở trong Buôn, Plei ai nấy đều biết rõ đất thuộc về ai,vì mỗi khi mua bán sang nhượng từ người này qua người khác đều có sự chứng kiến của ba thế hệ, thế hệ trẻ, thế hệ trung niên, và thế hệ người già làm chứng. Đối với Tổng Thống Diệm, Cao Nguyên là một vùng chiến lược về quốc phòng và là một vùng giàu tài nguyên để phát triển kinh tế. Năm 1958, Tổng Thống Diệm ký một Nghị Định ấn định rằng người Thượng không có quyền sở hữu đất đai mà chỉ có quyền hưởng dụng hoa màu canh tác. Căn cứ vào Nghị Định này, Tổng Ủy Dinh Điền và Tỉnh Trưởng các tỉnh trên Cao Nguyên tự do lấy đất đai màu mỡ đang canh tác của các Buôn Thượng để đem người Kinh lên Cao Nguyên thành lập các Dinh Điền mà không cần phải hỏi ý kiến các Buôn, cũng không cần phải điều đình lấy đất, cũng như chẳng cần phải bồi thường cho ai cả.

PHẢN ỨNG CỦA ĐỒNG BÀO THIỂU SỐ

Để chống lại chính sách bất công của Tổng Thống Diệm, năm 1958, đồng bào Thượng đã thành lập Phong Trào BAJARAKA (Chữ đứng đầu của tên 4 bộ lạc đông người nhất trên Cao Nguyên là Ba-Na, Jarai, Radhé, và Kahô ghép lại) và tổ chức cuộc họp ở Pleiku. Chính phủ đã thẳng tay đàn áp phong trào này. Các lãnh tụ của tổ chức đều bị cảnh sát bắt bớ nhốt tù. Một số đông quân nhân công chức Thượng bị thuyên chuyển về làm việc ở các Tỉnh Duyên Hải miền Trung. Việc làm này đã tạo nên một khoảng trống về lãnh đạo chỉ huy trên Cao Nguyên.

Lợi dụng cơ hội hiếm có này, nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội, đã cho những cán bộ Thượng theo Cộng Sản tập kết năm 1954 ra Bắc, đã được huấn luyện, theo đường mòn Hồ Chí Minh trở về xâm nhập vào Cao Nguyên để tuyên truyền, lôi kéo, tổ chức người Thượng theo Cộng Sản.

Tình hình an ninh trên Cao Nguyên càng ngày càng xấu đi. Chính phủ VN phải chấp thuận để cho Mỹ trực tiếp tổ chức huấn luyện quân sự, phát súng đạn, và thành lập những lực lượng dân sự chiến đấu ở các Buôn. Một sô đoàn viên phong trào BAJARAKA trẻ tuổi chưa bị bắt đã lợi dụng cơ hội, đi huấn luyện quân sự, và trở thành các cấp chỉ huy của Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu ở các Buôn. Một số đoàn viên phong trào, như Y Bih Alêô, thì trốn đi theo Cộng Sản, được Cộng Sản cho làm Chủ Tịch Phong Trào Tây Nguyên Tụ Trị, một thành phần trong tổ chức của Phong trào Giải Phóng Miền Nam.

Ngoài phản ứng của đồng bào Thượng, người Khmer ở trong Nam cũng chống đối chính sách của Tổng Thống Diệm. Một nhà sư tên Samouk Sen đã thành lập Phong Trào Khăn Trắng (Can Sen So Front) ở vùng Bảy Núi. Đến năm 1961 thì phong trào đổi tên thành Phong Trào Tranh Đấu của Người Khmer Kampuchea Cũ (Struggle Front of Khmer of Kampuchea Krom, Phong Trào KKK). Một Sĩ quan Kampuchea gốc Chăm tên Les Kosem cũng thành lập ở Phnom Penh một Phong Trào Giải Phóng Champa.

CHÍNH SÁCH CỦA NỀN ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA VIỆT NAM

Ngày 1, tháng 11, năm 1963, Chính Phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Một Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ra đời. Lúc ấy tôi đang làm Trưởng Phòng 5 Sư Đoàn 23 đóng ở Banmêthuột. Được tin Thiếu Tướng Đỗ Mậu làm Ũy Viên Chính Trị của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, Ông vốn là Tư Lệnh cũ của tôi vào năm 1955 tại Phân Khu Duyên Hải ở Nha Trang, tôi bèn gửi ngay cho Thiếu Tướng một tờ trình về tình hình đồng bào Thượng ở Cao Nguyên, những sai lầm của Chính Phủ cũ đối với đồng bào, và đề nghị xin ban hành một chính sách mới công bằng hơn đối với đồng bào thiểu số Thượng Chăm nói chung. Thiếu Tướng Đỗ Mậu đã trình lên Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng một kế hoạch đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thượng Chăm để giải quyết vấn đề nói trên.

Một số lớn những lãnh tụ trong Phong Trào BAJARAKA đã được Đại Tướng Dương Văn Minh cho lệnh thả ngay. Ông Paul Nưr giáo viên người Ba-Na Phó Chủ Tịch Phong Trào sau khi được tha về, đã được bổ nhiệm ngay vào chức vụ Phó Tỉnh Trưởng Thượng Tỉnh Kontum. Rất tiếc kế

hoạch nâng đỡ đồng bào Thượng Chàm do Thiếu Tướng Đỗ Mậu đệ trình chưa kịp được thi hành thì ngày 29/1/1964 đã xảy ra một cuộc Chỉnh Lý lật đổ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Chính phủ mới do Trung Tướng Nguyễn Khánh, nguyên Tư Lệnh Quân Đoàn II và Vùng II Chiến Thuật ơ Pleiku vê làm Thủ Tướng. Ông là người rất chú trọng đến vấn đề đồng bào Thượng Chăm. Khi về làm Tư Lệnh Quân Đoàn II ông đã thuyên chuyển tôi về làm Trưởng Phòng Thượng Vụ Quân Đoàn II và Vùng II Chiến Thuật. Việc làm đầu tiên của Thủ Tướng là thả nốt người đứng đầu Phong Trào BAJARAKA, Ông Y Bham Ênuôl, sắc tộc Ra-Đê, Chủ Tịch Phong Trào. Ông được bổ nhiệm ngay vào làm Phó Tỉnh Trưởng Thượng tỉnh Darlac. Sau đó chính phủ tiếp tục cho mở ngay nhiều Hội Nghị quy tụ các lãnh tụ Thượng Chăm để tìm hiểu rõ nguyện vọng của đồng bào.

Hội nghị đầu tiên do Phòng Năm Sư Đoàn 23 Bộ Binh và Khu 23 Chiến Thuật tổ chức ngày 9/1/1964 tại Banmêthuột dưới quyền chủ tọa của Đại Tá Lê Quang Trọng, Tư Lệnh Sư Đoàn. Ông Y Chôn Mlô Đuôn Đu, Tham Sự Hành Chánh tòa tỉnh Darlac, sắc tộc Ra-Dé đã đại diện các lãnh tụ Thượng Chăm trong Hội Nghị xin chính phủ có một chính sách công bằng và có những chương trình hữu hiệu, thực tế, để nâng cao đời sống của đồng bào Thượng Chăm. Những nguyện vọng của đồng bào đã được gửi lên Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Ngày 5/5/1964, Thủ Tướng Nguyễn Khánh cho lệnh Nha Đặc Trách Thượng Vụ tổ chức mời 55 lãnh tụ Thượng Chăm về Sài Gòn. Trong một Hội Nghị với các vị lãnh tụ này, Thủ Tướng đã nghe và tiếp nhận những nguyện vọng cũa họ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, từ 1954, các sắc tộc Thượng Chăm có cơ hội tự do trực tiếp trình bày những ý kiến của sắc tộc mình trước người lãnh đạo cao cấp nhất của quốc gia.

Hội Nghị lần thứ ba diễn ra tại Hội Quán Phượng Hoàng Pleiku do Phòng Thượng Vụ Quân Đoàn II và Vùng II Chiến Thuật tổ chức vào ngày 25, 26/8/1964, dưới quyền chủ tọa của Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, Tư Lệnh Quân Đòan II. Một Ủy ban gồm Thiếu Tá Ya Ba, Đại Úy Y Pem Knul, Tham Sự Hành Chánh Y Chôn Mlô Đuôn Đu và tôi là Trưởng Phòng Thượng Vụ Quân Đoàn II được thành lập để đúc kết tất cả những nguyện vọng của đồng bào Thượng Chăm trình lên Chính Phủ.

Ít ngày sau một Hội Nghị khác do Trung Tá Nguyễn Phi Phụng, Giám Đốc Nha Đặc Trách Thượng Vụ thuộc Bộ Quốc Phòng tổ chức tại Đà Lạt. Thủ Tướng Nguyễn Khánh đã lên chủ tọa Hội Nghị này và gặp gỡ những đại biểu Thượng Chăm.

Công việc thu thập những nguyện vọng thật sự của đồng bào Thượng Chăm đang được tiến hành thì ngày 20/9/1964, xảy ra Biến Cố Banmêthuột do một tổ chức mới Front Unifié de Lutte des Races Opprimees, Mặt Trận Đoàn Kết Tranh Đấu của Những Dân Tộc Bị Áp Bức thành lập ở Phnom Penh, sử dụng 5 Trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng chiếm Đài Phát Thanh và bao vây thành phố Banmêthuột. Biến cố này giúp cho một chính sách mới đảm bảo Dân Quyền và Nhân Quyền cho đồng bào thiểu số do một tổ chức vô hình, không có tên gọi, anh em Thượng-Chăm-Kinh kết nghĩa anh em vơí nhau theo phong tục kết anh em của đồng bào Thượng ấp ủ từ bao nhiêu năm được ra đời. Nhiều người anh em của tổ chức anh em không hình, không tên này đã nằm xuống như Touneh Hàn Thọ, Ya Ba, Paul Nư … nhưng có một người anh em vẫn còn hiện diện ở đây, xin trân trọng giới thiệu với qúy vị: ông Từ Công Thu.

Sau khi giải quyết êm đẹp Biến Cố Banmêthuột ngày 20/9/1964, một Đại Hội đại diện đồng bào Thượng Chăm được tổ chức tại Pleiku trong 3 ngày 15,16,17, tháng 10, năm 1964. Nếu tôi nhớ không lầm thì có một vị hiện diện ở trong phòng hội này cũng đã từng đại diện đồng bào Chăm đi dự những hội nghị kể trên. Xin trân trọng giới thiệu với qúy vị: Ông Dương Tấn Sở.

Đêm 16/10/1964, Hội Đồng Nội Các Chính Phủ đã họp tại Biệt Điện của Tổng Thống tại Pleiku để nghe tôi, Trưởng Phòng Thượng Vụ Quân Đoàn II thuyết trình về những nguyện vọng của đồng bào Thượng Chăm, và những đề nghị về một chính sách mới, cùng những biện pháp thiết thực giúp đỡ đồng bào về mọi mặt chính trị, quân sự, hành chánh, kinh tế, y tế,văn hóa, giáo dục, luật pháp, xã hội vv…

Hội Đồng Nội Các gồm có Chủ Tọa Thủ Tướng Nguyễn Khánh, 2 vị Phó Thủ Tướng, một số các vị Tổng Trưởng trong đó có Tổng Trưởng Tư Pháp, Giáo Dục …, Ông Tổng Giám Đốc Tổng Nha Điền Địa, Trung Tá Ngô Văn Hùng, Phó Giám Đốc Nha Đặc Trách Thượng Vụ thuộc Bộ Quốc Phòng, tất cả đã lắng nghe tôi thuyết trình và đã thảo luận kỹ càng từng vấn đề một, vì vậy cuộc họp kéo dài suốt từ 8 giơ 30 tối đến 1 giờ sáng hôm sau. Chính trong cuộc họp Hội Đồng

Nội Các này Thủ Tướng và các vị Tổng Trưởng đã chấp thuận tất cả những đề nghị và đã quyết định ban hành một chính sách mới không chỉ áp dụng cho đồng bào Thượng Chăm nói riêng mà còn áp dụng cho tất cả đồng bào thiểu số Việt Nam nói chung. Người thiểu số ở đây bao gồm người Thượng miền Nam, người Thượng miền Bắc di cư tị nạn cộng sản vào Nam năm 1954, hầu hết đang định cư trên Cao Nguyên, và người Chăm. Sau này cũng được áp dụng thêm cho người Khmer nữa.

THÔNG ĐIỆP CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ 17-10-1964

Chính sách đối với đồng bào thiểu số VN được ban hành lần đầu tiên dưới dạng một Thông Điệp của Thủ Tướng Chính Phủ gửi nhân dân cả nước, và do chính Thủ Tướng đích thân đọc trước Đại Hội Đại Diện đồng bào Thượng miền nam, miền Bắc, và đồng bào Chăm vào sáng ngày 17/10/1964. Chính sách mới được đặt trên 3 nguyên tắc căn bản:

1. Đồng bào thiểu số Việt Nam là công dân của nước Việt

Nam. Đồng bào có quyền hưởng đầy đủ quyền công dân như tất cả những công dân thuộc những sắc tộc khác.

2. Tuy nhiên vì đời sống của đồng bào còn nhiều khó

khăn nên chính phủ có trách nhiệm phải hoạch định ra những chương trình, kế hoạch hầu giúp đồng bào mau chóng tiến bộ theo kịp đà tiến chung của toàn dân.

3. Chính phủ tôn trọng phong tục tập quán, ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa của đồng bào thiểu số. Tòa án phong tục Thượng sẽ được mở lại. Tiếng của đồng bào sẽ được dạy lại ở các trường học. Quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng được tôn trọng. Một chương trình Kiến Điền sẽ được tiến hành để cung cấp bằng khoán về quyền sở hữu đất đai cho đồng bào.

Ngay sau cuộc họp Hội Đồng Nội Các, Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp đã thảo ngay một Nghị Định hủy bỏ Nghị Định cũ năm 1958 của Chính Phủ Ngô Đình Diệm không công nhận quyền sở hữu đất đai canh tác của người Thượng. Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục cũng soạn thảo một Thông Tư ấn định nhiều biện pháp nâng đỡ học sinh, sinh viên Thượng Chăm.

HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA 1-4-1967

Chính sách đối với đồng bào thiểu số Việt Nam từ dạng một Thông Điệp của Thủ Tướng gửi toàn dân sau đã được ghi vào trong Hiến Pháp ngày 1 – 4 – 1967 ở những điều khoản 2,24,97 và 98.

Điều 2 công nhận và bảo đảm những quyền căn bản của mọi công dân. Mọi công dân đều bình đẳng không phân biệt sắc tộc. Đồng bào thiểu số được đặc biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến chung của dân tộc.

Điều 24 công nhận sự hiện hữu của các sắc tộc thiểu số trong cộng đồng Việt Nam. Phong tục tập quán và mọi sắc thái văn hóa riêng biệt của đồng bào thiểu số được tôn trọng. Các tòa án phong tục phải được thiết lập để xét xử những vụ án về phong tục giữa những đồng bào thiểu số. Một đạo luật sẽ quy định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào thiểu sô.

Điều 97,98 quy định việc tổ chức một Hội Đồng Các Sắc Tộc. Nhiệm vụ của Hội Đồng là cố vấn cho chính phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào. Với sự chấp thuận của Quốc Hội, HĐCST có thể cử đại diện thuyết trình trước Quốc Hội về các vấn đề liên hệ. Các dự luật liên quan đến đồng bào thiểu sô có thể được HĐCST tham gia ý kiến trước khi đưa ra Quốc Hội thảo luận. Diều 66, quy định Phó Tổng Thống là Chủ Tịch HĐCST.

Như vậy ngoài những điều 66, 97, 98 liên quan đến HĐCST, 3 nguyên tắc căn bản trong chính sách mới do Thủ Tướng Nguyễn Khánh ghi trong Thông Điệp gửi quốc dân đồng bào ngày 17/10/1964 đã được ghi lại đầy đủ trong hai Điều 2 và 24 của Hiến Pháp.

QUY CHẾ QUY ĐỊNH NHỮNG QUYỀN LỢI ĐẶC BIỆT ĐỂ NÂNG ĐỠ ĐỒNG BÀO THIỂU SỐ.

Nhằm thực hiện Điều 2 và 24 trong Hiến Pháp, Bộ Phát Triển Sắc Tộc đã soạn thảo, và Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương đã đệ trình lên Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ký Sắc Luật số 033/67 ngày 29/8/1967.

Nội dung Sắc Luật có 10 Điều họp thành một Quy Chế quy định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào thiểu số.

Điều 1, và 10, là phần mở đầu và kết luận.

Các Điều còn lại từ Diều 2 đến Điều 8 ấn định những nguyên tăc căn bản nâng đỡ đồng bào thiểu số về mọi mặt Hành Chánh, Công Chức, Quân Sự, Kinh Tế, Nông Nghiệp, Quyền Sỡ Hữu Đất Đai, Y Tế, Xã Hội, Giáo Dục, Văn Hóa. Sẽ thành lập Viện Bảo Tàng Nhân Chủng để bảo vệ và phát huy nền văn minh cuả các sắc tộc thiểu số. Một Viện Nghiên Cứu về các Sắc Tộc thiểu số để giúp Chính Phủ thiết lập các kế hoạch phát triển đời sống của đồng bào. Riêng Điều 9 có quy định rằng nguyên tắc nâng đỡ phải phù hợp với thực trạng của từng địa phương và của trình độ phát triển của từng sắc tộc, để các sắc tộc thiểu số dù có tình trạng sinh hoạt không đồng đều cũng có thể theo kịp đà tiến bộ chung của cả nước.

Nội dung Sắc Luật 033/67 là sự tổng hợp tất cả những nguyên tắc nâng đỡ đồng bào thiểu số đã được các Bộ ban hành và đã được liên tục thực hiện từ sau cuộc họp của Hội Đồng Nội Các tại Pleiku ngày 17/10/1964.

KẾT LUẬN

Tôi vừa trình bày với quý vị về Chính Sách Đối Với Đồng Bào Thiểu Số của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa từ 1955 đến 1975. Nhiều người có thể đã được hưởng chính sách ấy và bây giờ cũng đang có mặt tại đây. Nhiều người có thể không đồng ý với chính sách ấy vì không đáp ứng được những mục tiêu tranh đấu của sắc tộc mình. Ví dụ mục tiêu tranh đấu của một số người Thượng muốn hoàn toàn giải phóng lãnh thổ Pays Montagnards du Sud Indochine do chính sách chia để trị của Pháp để lại. Hoặc như mục tiêu tranh đấu của một số bà con người Khmer trong Phong Trào Tranh Đấu Giải Phóng Kampuchea Cũ ở đồng bằng Sông Cửu Long. Hoặc của Thiếu Tướng Les Kosem và những người Chăm theo ông tranh đấu nhằm giải phóng đất nước Champa. Tôi đã có hân hạnh được cựu Trung Tá Les Kosem, Phó Đô Trưởng Phnom Pênh tiếp kiến năm 1970 tại văn phòng của ông. Tôi rất khâm phục lý tưởng của ông.

Nhưng, là một sĩ quan liên tục phụ trách vấn đề thiểu số ở Việt Nam từ 1956 đến 1973, tôi hiểu rõ những nhà cầm quyền trong Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ chấp nhận một chính sách xâm phạm đến chủ quyền và sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của đất nước Việt Nam. Do đó tôi chỉ có thể cùng với một số rất đông anh em Thượng miền Nam, miền Bắc,

Chăm, Khmer kết nghĩa anh em theo phong tục kết anh em của đồng bào Thượng để cùng nhau vận động cho được một chính sách như vừa trình bày. “Sức người có hạn” mong lịch sử và những thế hệ tiếp nối thông cảm và hiểu biết cho.

Tôi rất vui mừng được biết Giáo Sư Dân Tộc Học Nguyễn Văn Huy ở Đại Học Paris 7 đã cho rằng thời kỳ 1964 – 1975 là thời kỳ vàng son của đồng bào Thượng ở Việt Nam.

Trước khi dứt lời tôi muốn vinh danh hai người đã âm thầm trợ giúp chúng tôi mà chưa ai biết: Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục và Giáo Sư Nhân Chủng Học Nghiêm Thẩm. Nếu không nhờ Hội Văn Hóa Á Châu mà hai ông là Chủ Tịch và Tổng Thư Ký thì anh em tôi đã không điều hành được quỹ cuả Asia Foundation trợ cấp học bổng mỗi năm gần 1 Triệu Đồng cho Sinh viên, Học Sinh Thượng Chăm. Nếu không nhờ tủ sách riêng của Giáo Sư Nghiêm Thẩm và tủ sách của Viện Viễn Đông Bác Cổ ở Bảo Tàng Viện Sàigòn mà Giáo Sư làm Giám Đốc, (và nhất là nhờ học hỏi các chính sách đối với các sắc tộc thiểu số anh em từ thời Hùng Vương đến nay) thì anh em chúng tôi cũng đã không nghĩ ra được chính sách kể trên.

Kính chào qúy vị.

http://vnqvn.blogspot.com/2021/01